



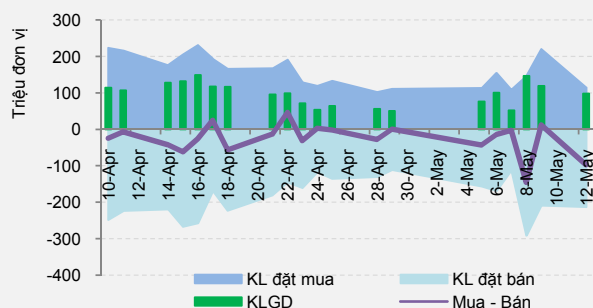
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 12/5/2014

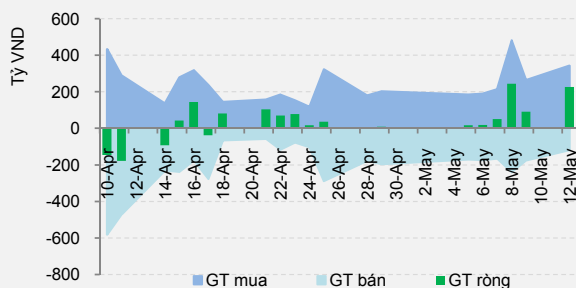
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	517.1	70.7
% Thay đổi	↓ -4.7%	↓ -4.7%
KLGD (CP)	98,460,848	56,963,647
GTGD (tỷ đồng)	1,606.63	505.01
Tổng cung (CP)	212,200,350	91,043,400
Tổng cầu (CP)	114,994,250	64,939,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,708,710	848,600
KL mua (CP)	13,638,810	1,939,250
GTmua (tỷ đồng)	343.63	28.59
GT bán (tỷ đồng)	117.10	10.32
GT ròng (tỷ đồng)	226.53	18.27

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -6.41%	8.6	1.8	3.6%
Công nghiệp	↓ -4.91%	25.8	1.1	14.5%
Dầu khí	↓ -5.51%	7.0	1.9	6.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -3.00%	18.9	1.9	1.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -5.78%	11.9	2.9	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -2.70%	13.8	4.4	13.4%
Ngân hàng	↓ -4.73%	9.1	1.2	8.1%
Nguyên vật liệu	↓ -4.01%	11.6	2.1	7.7%
Tài chính	↓ -4.84%	11.9	2.2	38.0%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -4.52%	13.7	4.9	6.5%
VN - Index	↓ -4.68%	13.7	3.1	76.1%
HNX - Index	↓ -4.72%	16.6	1.6	23.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,744,160	2.8%	1,669,610	1.7%
GTGD (tỷ VND)	55,192	3.3%	84,961	5.1%

CĂNG THẲNG TẠI BIỂN ĐÔNG LEO THANG - THỊ TRƯỜNG GIẢM SÂU - KHÓI NGOẠI TIẾP TỤC MUA RÒNG

Nhận định: Thị trường trở lại diễn biến giảm điểm khi căng thẳng tại biển Đông tiếp tục leo thang. Lực cầu bắt đáy duy trì ở mức cao khi chỉ số VN-Index giảm qua ngưỡng hỗ trợ của đường MA200 ngày. KLGD toàn thị trường vẫn ở mức khá so với giai đoạn trầm lắng trước đó, khối ngoại tiếp tục xu hướng mua ròng. Tuy nhiên áp lực cung vẫn chiếm ưu thế áp đảo. Đa số mã cổ phiếu giảm giá sàn, khối lượng dư bán sàn lớn.

Với phiên giảm điểm này, chỉ số VN-Index đã giảm qua ngưỡng hỗ trợ của đường MA200 ngày, cho tín hiệu xấu về xu hướng trung hạn. Chỉ số HNX-Index đã giảm sát ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của đường MA200, tương đương khoảng 70 điểm. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật tiếp theo đối với VN-Index là khoảng 500 điểm, được đánh giá là mạnh, khi chỉ số đã có 3 tháng tích lũy quanh mức điểm này vào quý cuối năm 2013. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của HNX-Index là khoảng 66 điểm.

Ngày mai là phiên T+3 của phiên giảm điểm mạnh thứ Năm tuần trước, khi lực cầu bắt đáy tại ngưỡng hỗ trợ MA200 của VN-Index. Áp lực cung dự kiến vẫn ở mức cao, khi diễn biến thị trường vẫn chưa cho tín hiệu ổn định trở lại.

Thị trường đang trong giai đoạn bất ổn do phản ứng bởi vấn đề Biển Đông. Với thực tế tâm lý nhà đầu tư chưa ổn định trở lại, việc bắt đáy cho mục tiêu đầu tư ngắn hạn là rủi ro.

- Chỉ số VN-Index giảm mạnh 25.42 điểm (4.69%), xuống 518.04 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 512.25 điểm.

- Chỉ số HNX-Index giảm 3.50 điểm (4.72%), xuống 70.69 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 70.25 điểm.

- Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 24 đã kết thúc cuối tuần qua với nhiều thành tựu đạt được. Vấn đề biển Đông đã được nhấn mạnh trong hai văn kiện quan trọng của Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 24. Văn kiện của hội nghị kêu gọi tất cả các bên thực hiện kiềm chế và không sử dụng vũ lực, cũng như không tiến hành các hoạt động có thể làm gia tăng căng thẳng và sớm đạt được Bộ Quy tắc về ứng xử ở biển Đông (COC) như đã được thể hiện trong Nguyên tắc 6 điểm của ASEAN về biển Đông.

- Tuy nhiên tình hình tại Biển Đông tiếp tục có diễn biến phức tạp khi đụng độ giữa tàu Việt Nam và tàu Trung Quốc vẫn đang diễn ra với tần suất cao. Bộ Ngoại giao Trung Quốc thể hiện quan điểm tranh chấp lãnh thổ của Trung Quốc trên biển Đông là đối với một số quốc gia nhất định, không phải là vấn đề giữa Trung Quốc và ASEAN, bất chấp nhiều ý kiến phản đối của cộng đồng Quốc tế. Tình hình căng thẳng tại Biển Đông khiến TTCK Việt Nam quay trở lại diễn biến giảm điểm mạnh.

- Theo NHNN, đến ngày 26/4/2014, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt 0,93% so với đầu năm. Số liệu này tăng khá mạnh so với số liệu tăng trưởng tín dụng 0.62% đến 22/4/2014. Tuy nhiên dòng tiền ra nền kinh tế còn hạn chế, dòng vốn của hệ thống Ngân hàng phần lớn vẫn tập trung vào kênh trái phiếu và tín phiếu NHNN.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Giảm

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Giảm

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm mạnh 25.42 điểm (4.69%), xuống 518.04 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 512.25 điểm.

- KLGD giảm 18% so với phiên giao dịch trước, xuống 94 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 30.7 điểm, sát ngưỡng quá bán. MACD 9 ngày rời rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index trở lại diễn biến giảm điểm khi căng thẳng tại biển Đông tiếp tục leo thang. Lực cầu bắt đáy duy trì ở mức khá khi chỉ số VN-Index giảm qua ngưỡng hỗ trợ của đường MA200 ngày. KLGD toàn thị trường vẫn ở mức cao, khối ngoại tiếp tục xu hướng mua ròng. Tuy nhiên áp lực cung vẫn chiếm ưu thế áp đảo. Đa số mã cổ phiếu giảm giá sàn, khối lượng dư bán sàn lớn.

Với phiên giảm điểm này, chỉ số VN-Index đã giảm qua ngưỡng hỗ trợ của đường MA200 ngày, cho tín hiệu xấu về xu hướng trung hạn. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật tiếp theo đối với VN-Index là khoảng 500 điểm, được đánh giá là mạnh, khi chỉ số đã có 3 tháng tích lũy quanh mức điểm này vào quý cuối năm 2013. Lực mua dò đáy dự báo sẽ tiếp tục ở mức cao trong phiên giao dịch ngày mai. Tuy nhiên, với thực tế áp lực cung lớn như hiện tại, lệnh mua dự kiến sẽ không vội vàng, và ở mức giá thấp.

Thị trường đang trong giai đoạn bất ổn do phản ứng bởi vấn đề Biển Đông. Với thực tế tâm lý nhà đầu tư chưa ổn định trở lại, việc bắt đáy cho mục tiêu đầu tư ngắn hạn là rủi ro.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index giảm 3.50 điểm (4.72%), xuống 70.69 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 70.25 điểm.

- KLGD giảm 13% so với phiên trước, xuống 55 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm mạnh xuống mức 27 điểm, trở lại ngưỡng quá bán. MACD 9 ngày rời rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, cho chỉ báo về xu hướng giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index trở lại diễn biến giảm điểm khi căng thẳng tại biển Đông tiếp tục leo thang. Lực cầu bắt đáy duy trì ở mức khá khi chỉ số HNX-Index đang tiến gần ngưỡng hỗ trợ của đường MA200 ngày. KLGD toàn thị trường vẫn ở mức cao so với giai đoạn thanh khoản thấp trước đó, khối ngoại tiếp tục xu hướng mua ròng. Tuy nhiên áp lực cung vẫn chiếm ưu thế áp đảo. Đa số mã cổ phiếu giảm giá sàn, khối lượng dư bán sàn lớn.

Với phiên giảm điểm này, chỉ số HNX-Index đã giảm sát ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của đường MA200, tương đương khoảng 70 điểm. Mức hỗ trợ mạnh hơn là khoảng 66 điểm. Lực mua dò đáy dự báo sẽ tiếp tục ở mức cao trong phiên giao dịch ngày mai. Tuy nhiên, với thực tế áp lực cung lớn như hiện tại, lệnh mua dự kiến sẽ không vội vàng, và ở mức giá thấp.

Thị trường đang trong giai đoạn bất ổn do phản ứng bởi vấn đề Biển Đông. Với thực tế tâm lý nhà đầu tư chưa ổn định trở lại, việc bắt đáy cho mục tiêu đầu tư ngắn hạn là rủi ro.

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	7,678.2	15.0%	1387.38	-9.4%	7,839	21,039	16.97	6.32	39.55	49.00
2	HPG	HOSE	6,515.5	65.6%	870.36	90.5%	4,913	21,393	9.75	2.24	24.96	44.33
3	DPM	HOSE	2,502.4	-13.2%	381.31	-45.9%	5,644	24,595	5.94	1.36	23.41	24.07
4	PVS	HNX	5,713.1	19.2%	266.33	1.5%	3,403	19,100	7.35	1.31	19.28	23.79
5	LAS	HNX	1,825.2	-2.5%	150.32	1.1%	5,767	18,602	6.83	2.12	33.45	12.61
6	HCM	HOSE	226.5	50.8%	120.32	91.4%	2,688	18,443	10.94	1.59	15.36	49.00
7	CII	HOSE	203.5	167.8%	93.5	189.8%	1,270	14,071	20.56	1.85	9.01	38.56
8	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	11.18	0.75	7.13	6.09
9	DRC	HOSE	678.0	11.5%	85.75	9.7%	4,609	17,641	9.31	2.43	28.77	28.61
10	CSM	HOSE	684.3	-2.5%	78.52	14.4%	5,506	19,274	6.94	1.98	31.24	14.02

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	LAF	HOSE	94.3	-3.0%	1.59	1490.0%	2,412	7,924	3.90	1.19	33.22	11.62
2	NAG	HNX	62.7	103.7%	4	1479.3%	358	9,498	18.18	0.68	3.83	0.79
3	POT	HNX	80.1	105.8%	0.83	937.5%	476	15,406	22.07	0.68	3.14	0.25
4	SHS	HNX	72.6	149.1%	72.4	732.2%	754	8,594	11.40	1.00	9.38	4.45
5	ITQ	HNX	119.8	79.5%	3.35	532.1%	547	10,919	17.72	0.89	5.15	0.01
6	VIG	HNX	6.1	93.3%	2.42	450.0%	248	6,630	16.90	0.63	3.83	12.87
7	APS	HNX	12.0	110.4%	7.19	432.6%	435	8,808	12.89	0.64	5.07	16.81
8	AGR	HOSE	81.0	-35.0%	58.06	408.0%	314	10,813	20.35	0.59	2.96	0.25
9	HDO	HNX	27.6	-10.1%	0.1	400.0%	(1,952)	9,734	(2.05)	0.41	(19.91)	15.55
10	BSI	HOSE	72.0	87.7%	10.25	325.3%	265	8,124	21.47	0.70	3.32	0.56

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	ICG	HNX	37.8	9122.0%	3.52	314.6%	376	12,542	21.02	0.63	3.07	16.36
2	PXL	HOSE	2.3	3766.7%	0.04	-33.3%	(105)	10,183	(36.18)	0.37	(1.04)	0.13
3	BGM	HOSE	4.0	3554.5%	0.02	103.5%	34	10,193	125.58	0.42	0.33	0.63
4	KHL	HNX	4.5	3114.3%	0.56	251.4%	179	9,981	20.63	0.37	1.77	2.96
5	SHN	HNX	1.0	257.1%	-1.44	46.7%	91	3,008	41.90	1.26	4.74	0.15
6	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	11.18	0.75	7.13	6.09
7	PV2	HNX	0.3	222.2%	-1.38	27.7%	(3,596)	6,647	(0.86)	0.47	(45.13)	0.01
8	PXS	HOSE	357.2	188.6%	20.8	310.3%	2,090	12,854	8.99	1.46	16.06	11.30
9	SBA	HOSE	46.2	174.1%	8.43	286.7%	1,300	11,431	7.46	0.85	11.93	0.16
10	CII	HOSE	203.5	167.8%	93.5	189.8%	1,270	14,071	20.56	1.85	9.01	38.56

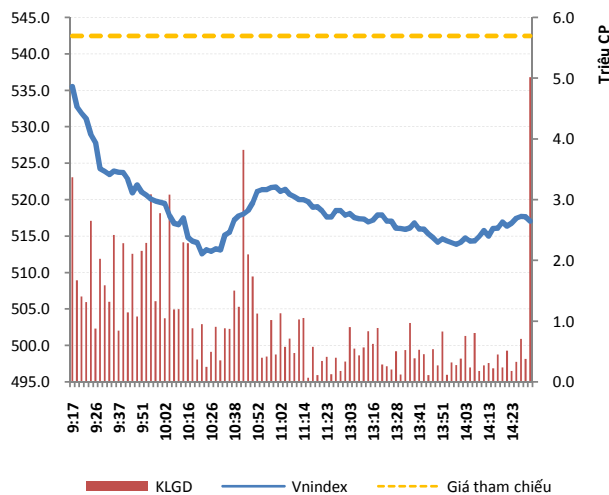
Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 05/05/2014

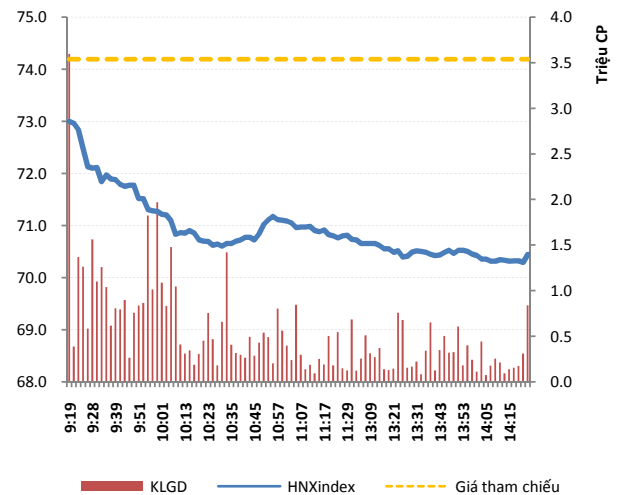


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

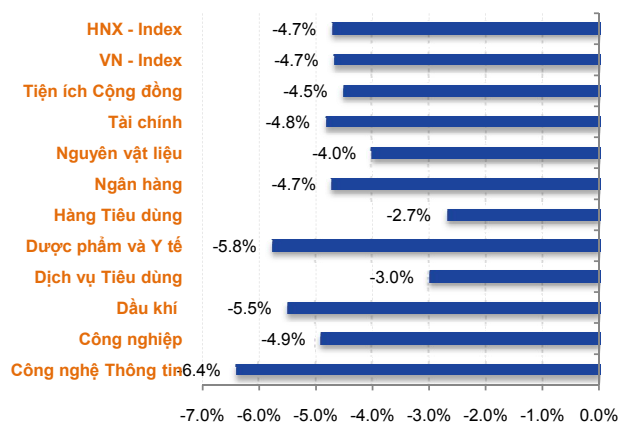
KLGD và VN-Index trong phiên



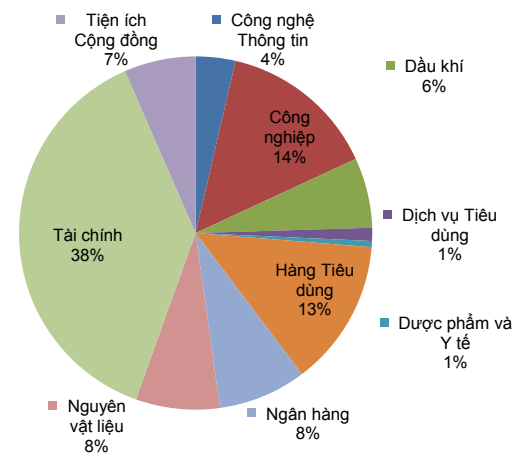
KLGD và HNX-Index trong phiên



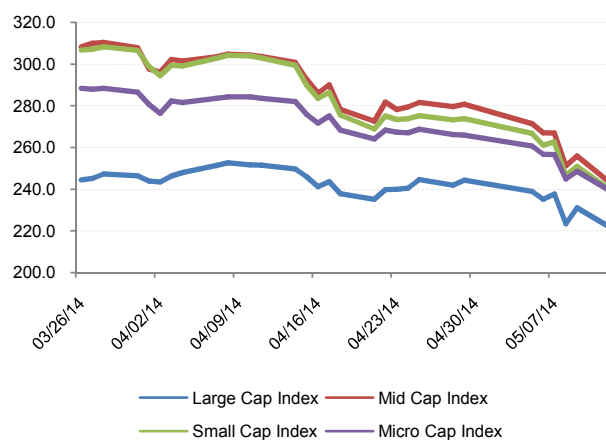
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



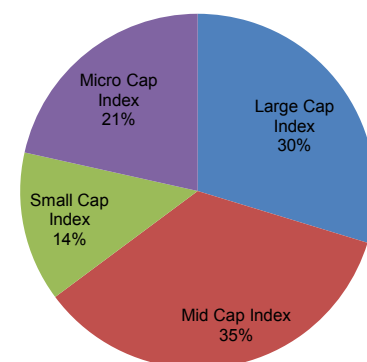
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HAG	1,560,420	SSI	355,000
2	VIP	1,242,560	AVF	348,900
3	DIG	748,730	ITA	333,900
4	PPC	722,070	STB	300,540
5	FCN	720,290	OGC	168,320

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	513,750	VCG	211,200
2	SDH	125,000	HOM	50,000
3	PVX	100,000	SDT	39,000
4	SHB	69,700	SJE	19,000
5	PVC	50,000	VC6	18,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	8.6	8.0	↓ -6.98%	9,099,490
HAG	22.6	21.1	↓ -6.64%	6,940,240
ITA	7.6	7.1	↓ -6.58%	5,891,530
HQC	5.8	5.4	↓ -6.90%	4,420,690
OGC	9.6	9.0	↓ -6.25%	3,510,960

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	7.8	7.1	↓ -8.97%	6,773,000
SHB	8.6	8.0	↓ -6.98%	6,628,450
KLS	9.4	8.5	↓ -9.57%	5,741,000
PVX	4.8	4.4	↓ -8.33%	5,664,500
SHS	7.4	6.7	↓ -9.46%	2,831,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TV1	13.6	14.5	0.9	↑ 6.62%
TMS	34.3	36.5	2.2	↑ 6.41%
HDC	22.1	23.5	1.4	↑ 6.33%
VSI	7.9	8.4	0.5	↑ 6.33%
SSC	49.0	52.0	3.0	↑ 6.12%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
PGT	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
CTB	24.2	26.6	2.4	↑ 9.92%
SAF	31.9	35.0	3.1	↑ 9.72%
DPC	10.6	11.6	1.0	↑ 9.43%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
PAN	40.0	37.2	-2.8	↓ -7.00%
IMP	53.0	49.3	-3.7	↓ -6.98%
LM8	18.6	17.3	-1.3	↓ -6.99%
AVF	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ORS	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
TCT	92.0	82.8	-9.2	↓ -10.00%
SD6	13.0	11.7	-1.3	↓ -10.00%
AMV	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
PSD	38.0	34.2	-3.8	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	9,099,490	9.4%	1,503	5.3	0.7
HAG	6,940,240	7.5%	1,287	16.4	1.2
ITA	5,891,530	1.3%	138	51.4	0.6
HQC	4,420,690	3.0%	320	16.9	0.5
OGC	3,510,960	1.7%	185	48.8	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	6,773,000	0.4%	53	133.9	0.5
SHB	6,628,450	8.6%	958	8.3	0.7
KLS	5,741,000	7.1%	948	9.0	0.6
PVX	5,664,500	-82.6%	(4,057)	-	1.6
SHS	2,831,400	9.4%	754	8.9	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TV1	↑ 6.6%	13.7%	1,710	8.5	1.1
TMS	↑ 6.4%	16.1%	4,207	8.7	1.3
HDC	↑ 6.3%	4.6%	966	24.3	1.1
VSI	↑ 6.3%	2.0%	256	32.8	0.7
SSC	↑ 6.1%	27.4%	5,598	9.3	2.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	133.9	7.6
PGT	↑ 10.0%	-19.7%	(1,658)	(4.0)	0.8
CTB	↑ 9.9%	16.2%	3,209	8.3	1.4
SAF	↑ 9.7%	25.0%	3,507	10.0	2.3
DPC	↑ 9.4%	4.1%	711	16.3	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	1,560,420	7.5%	1,287	16.4	1.2
VIP	1,242,560	2.1%	349	26.4	0.6
DIG	748,730	2.3%	381	34.4	0.8
PPC	722,070	17.0%	2,857	6.7	1.1
FCN	720,290	20.0%	3,059	6.8	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	513,750	19.3%	3,403	7.0	1.2
SDH	125,000	0.6%	45	116.1	0.6
PVX	100,000	-82.6%	(4,057)	-	1.6
SHB	69,700	8.6%	958	8.3	0.7
PVC	50,000	10.0%	1,676	8.4	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	171,498	40.6%	6,484	14.0	5.1
VNM	103,347	36.4%	7,667	16.2	5.5
MSN	66,877	3.2%	642	141.8	4.6
VIC	56,798	54.2%	7,404	8.4	4.0
CTG	55,479	13.2%	1,818	8.2	1.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,193	6.1%	839	18.6	1.1
PVS	10,587	19.3%	3,403	7.0	1.2
SQC	8,602	-2.4%	(295)	-	6.5
SHB	7,089	8.6%	958	8.3	0.7
OCH	5,020	7.6%	870	28.8	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	3.31	0.0%	(10,121)	-	-
DRH	3.08	-0.8%	(79)	-	0.3
VPH	2.53	2.2%	327	20.2	0.4
AVF	2.51	0.9%	145	27.5	0.4
CDC	2.42	0.8%	142	40.8	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
GGG	3.92	0.0%	(7,751)	-	-
QCC	3.22	2.3%	311	8.4	0.2
SDB	3.16	-75.9%	(3,347)	-	0.5
VCV	2.99	-140.5%	(4,637)	-	-
VHH	2.91	-8.2%	(795)	-	0.2



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)